

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2024/HS-ST

Ngày: 26/12/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thái Lan.

Thẩm phán phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Danh, ông **Huỳnh Công Trí**, ông Nguyễn Ngọc Uyên.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Quang – Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đáng – Kiểm sát viên Trung cấp.

Vào ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Văn Tiến Đ, sinh ngày 02 tháng 7 năm 1991 tại tỉnh Phú Yên. Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: khu phố Phước H, Phường N, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Nghề nghiệp: **Làm thuê**. Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12, giới tính: Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam, con ông Văn N, sinh năm 1949 và Trần Thị L, sinh năm 1950, có vợ Võ Thị Th, sinh năm 1991. Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 02/4/2024, bị TAND tỉnh Phú Yên xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Cố ý gây tH tích theo bản án hình sự phúc thẩm số 17/2024/HS-PT.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/01/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Phú Yên, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa chỉ định cho bị cá: Luật sư Nguyễn Văn Xít – Văn phòng Luật sư số 6, địa chỉ: 49 Nguyễn Đình Chiểu, phường 7, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên thuộc đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên. (Có mặt).

***Người bị hại:**

1. Bùi Thị Kim H, sinh năm 1984, nơi cư trú: 8/56 Phạm Ngọc Th, phường N, TP. T, tỉnh Phú Yên (Có mặt).

2. Hồ Thị N, sinh năm 1976, nơi cư trú: 39/25 Nguyễn C, phường M, TP. T, tỉnh Phú Yên (Vắng mặt).

3. Nguyễn Thuận V, sinh năm 1978, nơi cư trú: 16A Hoàng D, phường L, TP. T, tỉnh Phú Yên (Có mặt).

4. Trần Thị L, sinh năm 1969, nơi cư trú: 10/1 Nguyễn Thái H, phường K, TP. T, tỉnh Phú Yên (Có mặt).

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Võ Thị Th, sinh năm 1991, nơi cư trú: **kh. ph. Phước H, Phường N, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.** (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10/2019, do thua lỗ trong việc kinh doanh hải sản, Văn Tiến Đ nợ tiền ngân hàng và nhiều người khoảng 2.000.000.000 đồng, không có khả năng trả. Khoảng đầu năm 2021, thông qua mạng xã hội facebook, Đ tìm kiếm, kết bạn làm quen với một người (*không xác định nhân thân, lai lịch*) làm giả giấy tờ, Đ cung cấp các thông tin có liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Đ hiện đang thế chấp tại Phòng giao dịch Ngân hàng Sacombank thành phố T để đặt làm giả 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU304486, thửa đất số 2142, tờ bản đồ số 255-C, địa chỉ khu phố Phước H, Phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên, diện tích 89m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên cấp ngày 13/5/2020 đứng tên Văn Tiến Đ với giá tiền 1.200.000 đồng. Từ tháng 12/2021 đến tháng 5/2023, để có tiền trả nợ, sử dụng cá nhân, Đ đã thế chấp 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này cho bà Hồ Thị N, bà Trần Thị L, ông Nguyễn Thuận V, và bà Bùi Thị Kim H để họ tin là thật và cho Đ vay tiền, cụ thể:

Khoảng đầu năm 2021, Đ sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thế chấp cho bà N, bà N hỏi sao không vay ngân hàng thì Đ nói dối là “em dính nợ xấu do mua tivi trả góp nên vay ngân hàng không được”, tin là thật nên bà N cho Đ vay tiền nhiều lần, Đ và vợ là Võ Thị Th cùng ký vào giấy vay tiền. Tổng cộng, Đ chiếm đoạt của bà N 150.000.000 đồng, đã trả 83.200.000 đồng, còn nợ 66.800.000 đồng và không có khả năng trả nữa.

Với thủ đoạn tương tự, từ năm 2022 đến tháng 5/2023, Đ thế chấp cho bà Trần Thị L, ông Nguyễn Thuận V giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả vay tiền nhiều lần rồi chiếm đoạt của bà Loan số tiền 200.000.000 đồng, ông V 300.000.000 đồng. Đ và vợ là Võ Thị Th cùng ký vào giấy vay tiền của bà Loan, riêng giấy vay tiền của ông V một mình Đ ký.

Tương tự như bà N, bà Loan, ông V, ngày 29/6/2022, Đ thế chấp cho bà Bùi Thị Kim H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để vay của bà H 150.000.000 đồng. Ngoài việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để vay tiền, Đ biết rõ bản thân không còn khả năng trả nợ nhưng vẫn đưa ra thông tin gian dối về thời hạn trả nợ hoặc lợi dụng việc chơi huê để bà H tin tưởng đưa tiền cho Đ. Ngày 25/01/2023, Đ tham gia chơi 02 chân huê do bà H làm cái, loại huê 12 người chơi, tiền đóng huê 10.000.000 đồng/tháng và hót huê 02 tháng đầu của dây huê, tiền huê Đ nhận từ bà H là 180.000.000 đồng. Ngày 15/02/2023, Đ viết giấy vay bà H 130.000.000 đồng, hẹn 01 tháng trả. Tổng cộng, Đ đã vay và lợi dụng việc chơi huê để chiếm đoạt của bà H với tổng số tiền là 460.000.000 đồng, trong đó tiền vay là 280.000.000 đồng và tiền hót huê là **180.000.000 đồng**.

Tại Kết luận giám định số 588 ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên, kết luận: 04 phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU304486, thửa đất số 2142, tờ bản đồ số 255-C, địa chỉ khu phố Phước H, Phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên, diện tích 89m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên cấp ngày 13/5/2020 đứng tên Văn Tiến Đ; Hình dấu tròn “Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên” và chữ ký đóng dấu tên Nguyễn Vũ Thụy - Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên trên tài liệu là giả, bằng phương pháp in phun **màu**.

Tại Kết luận giám định số 208 ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên, kết luận: Chữ ký và chữ viết trên các giấy mượn tiền đều do Văn Tiến Đ, Võ Thị Th ký và viết **ra**.

Tại bản Cáo trạng số: 89/CT-VKSPY-P1 ngày 27/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo Văn Tiến Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

* Bị cáo Văn Tiến Đ vẫn khai nhận tội như đã khai tại cơ quan điều tra, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố là đúng.

* Các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều khai về tình tiết vụ án như nội dung Cáo trạng đã nêu.

* Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung Cáo trạng. Sau khi phân tích hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Văn Tiến Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Về Hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS phạt: Bị cáo Văn Tiến Đ **tù** 12 năm **tù** đến 13

năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS phạt bị cáo Văn Tiến Đ từ 03 năm **06 tháng** tù đến 04 năm tù về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Áp dụng Điều 55 BLHS tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Văn Tiến Đ phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là từ 15 năm **06 tháng** tù đến 17 năm tù.

Tổng **hợp** hình phạt **02 năm 06 tháng** tù của bản án số 17 ngày 02/4/2024 của TAND tỉnh Phú Yên, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án. Thời hạn tù tính từ ngày 24/01/2024.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị Th, buộc bị cáo Văn Tiến Đ và chị Võ Thị Th có trách nhiệm trả cho các bị hại bà Hồ Thị N **66.800.000 đồng**, bà Trần Thị L 200.000.000 đồng, bà Bùi Thị Kim H **460.000.000 đồng**; Buộc bị cáo Văn Tiến Đ có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thuận V 300.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án: 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy giả) số CU304486, thửa đất số 2142, tờ bản đồ số 255-C, địa chỉ khu phố Phước Hậu 3, Phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên, diện tích 89m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên cấp ngày 13/5/2020 đứng tên Văn Tiến Đ, thu giữ của bị cáo Văn Tiến Đ dùng vào việc phạm tội.

* Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất với tội danh VKS đã truy tố đối với bị cáo, về hình phạt đề nghị HĐXX xem xét nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo từ việc bị cáo làm ăn thua lỗ nợ nần, bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả, ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt để xử phạt bị cáo mức án khoan hồng để bị cáo sớm trở về gia đình và xã hội.

Bị cáo Văn Tiến Đ không tranh luận gì, nói lời sau cùng bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.1] Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai ý kiến hoặc khiếu nại về

hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, bị hại Hồ Thị N vắng mặt, tuy nhiên bị hại đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt của bị hại không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án và không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Văn Tiến Đ tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đều phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm phạm tội, cách thức thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: *Từ tháng 12/2021 đến tháng 5/2023, tại thành phố T, tỉnh Phú Yên, Văn Tiến Đ đã có hành vi gian dối, sử dụng 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả của cơ quan, tổ chức để thế chấp vay tiền chiếm đoạt của 04 người tổng cộng 1.110.000.000 đồng, trong đó bà Hồ Thị N 150.000.000 đồng, bà Trần Thị L 200.000.000 đồng, ông Nguyễn Thuận V 300.000.000 đồng và bà Bùi Thị Kim H 460.000.000 đồng.* Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo Văn Tiến Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 174; điểm b, khoản 3, Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[3] Các hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của nhiều người, xâm phạm đến sự an toàn của con dấu và các tài liệu, giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức trên lĩnh vực quản lý hành chính, đồng thời gây mất trật tự trị an - an toàn xã hội ở địa pH. Bị cáo phạm tội từ 02 lần trở lên nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, xét bị cáo sau khi phạm tội luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khắc phục một phần hậu quả trả lại cho bị hại N số tiền 83.200.000 đồng, bị hại Trần Thị L xin giảm nhẹ hình phạt nên cần áp dụng điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Áp dụng quy định tại Điều 55, 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt của hai tội và đối với bản án số 17 ngày 02/4/2024 của TAND tỉnh Phú Yên.

[4] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị Th và bị cáo Văn Tiến Đ, buộc bị cáo Văn Tiến Đ và *chị* Võ Thị Th có trách nhiệm trả cho các bị hại bà Hồ Thị N 66.800.000 đồng, bà Trần Thị L 200.000.000 đồng và bà Bùi Thị Kim H 460.000.000 đồng; Buộc bị cáo Văn Tiến Đ phải có trách nhiệm trả cho bị hại ông Nguyễn Thuận V 300.000.000 đồng

[5] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị Th là vợ bị cáo không bàn bạc, không biết bị cáo Đ sử dụng giấy tờ giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên không đồng phạm với bị cáo Đ.

[6] Ngoài số tiền chiếm đoạt đã được quy kết ở trên, bà Bùi Thị Kim H còn khai bị cáo Đ vay và chiếm đoạt số tiền 180.000.000 đồng nhưng bị cáo không thừa nhận, không có tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh bị cáo nhận của bà H số tiền 180.000.000 đồng nên không có cơ sở xem xét xử lý.

[7] Kết quả điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng thực hiện hành vi làm giả 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho *bị cáo* Văn Tiến Đ, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau là có căn cứ pháp luật.

[8] Về xử lý vật chứng: Chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án: 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy giả) số CU304486, thửa đất số 2142, tờ bản đồ số 255-C, địa chỉ khu phố Phước H, Phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên, diện tích 89m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên cấp ngày 13/5/2020 đứng tên Văn Tiến Đ, thu giữ của bị cáo Văn Tiến Đ dùng vào việc phạm tội.

[9] Về án phí:

[9.1] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Văn Tiến Đ bị kết án nên phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[9.2] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị cáo Văn Tiến Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho các bị hại 663.400.000 đồng là (20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản phải trả vượt quá 400.000.000 đồng) = 30.536.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho các bị hại là 363.400.000 đồng x 5% của phần giá trị tài sản phải trả = 18.170.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Văn Tiến Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55, 56 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Văn Tiến Đ **13 (Mười ba) năm tù** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và **03 (Ba) năm tù** về tội “*Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Văn Tiến Đ phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là **16 (Mười sáu) năm tù**.

Tổng hợp hình phạt **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù** tại Bản án Hình sự phúc thẩm số 17/2024/HSST ngày 02/4/2024 của TAND tỉnh Phú Yên xử phạt bị cáo Văn Tiến Đ về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại **Điều đ, Khoản 2, Điều 134 Bộ luật Hình sự**, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **18 (Mười tám) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 24/01/2024.

- Trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường **cho các bị hại** của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị Th **và bị cáo Văn Tiến Đ**, buộc bị cáo Văn Tiến Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị Th **phải** có trách nhiệm trả cho các bị hại bà Hồ Thị N 66.800.000 đồng (*Sáu mươi sáu triệu, tám trăm nghìn đồng*), bà Trần Thị L 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) và bà Bùi Thị Kim H 460.000.000 đồng (*Bốn trăm sáu mươi triệu đồng*); Buộc bị cáo Văn Tiến Đ **phải** có trách nhiệm trả cho bị hại ông Nguyễn Thuận V 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) **về khoản thiệt hại do tài sản bị xâm phạm**.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong nghĩa vụ của mình thì phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án: 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy giả) số CU304486, thửa đất số 2142, tờ bản đồ số 255-C, địa chỉ khu phố Phước H, Phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên, diện tích 89m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên cấp ngày 13/5/2020 đứng tên Văn Tiến Đ, thu giữ của bị cáo Văn Tiến Đ dùng vào việc phạm tội.

- Án phí: Áp dụng theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Bị cáo Văn Tiến Đ phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 30.536.000đ (*Ba mươi triệu, năm trăm ba mươi sáu nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị Th phải chịu 18.170.000 đồng (*Mười tám triệu, một trăm bảy mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với **bị hại N** vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

**CÁC HỘI THẨM
NHÂN DÂN**

THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Hùng

Lê Thị Thái Lan

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TANDCC Đà Nẵng ;
- VKSNDCC Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Phú Yên;
- **PC 11 Công an tỉnh Phú Yên;**
- Phòng Hồ sơ NV CA tỉnh Phú Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS Phú Yên ;
- P.KTNV – THAHS,
- Lưu TA, THS, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thái Lan

